

PHỤ LỤC II:

KỊCH BẢN HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHỈ TIÊU TỔNG VỐN ĐẦU TƯ TOÀN XÃ HỘI QUÝ IV NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /10/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk)									
STT	Khu vực/nguồn lực	Mục tiêu năm 2026	Thực hiện 9 tháng 2026	Mục tiêu quý IV 2026	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cơ quan/đơn vị theo dõi	Ghi chú
	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ TOÀN XÃ HỘI	80.390	45.804	34.586				Sở Tài chính; Thống kê tỉnh	
	<i>Tỷ trọng trong GRDP theo giá hiện hành</i>	<i>30,91</i>	<i>29,29</i>	<i>33,35</i>					
I	KHU VỰC NHÀ NƯỚC	25.408	15.455	9.953					
	Các nguồn huy động để tạo giá trị vốn đầu tư thuộc ngân sách Nhà nước, gồm:								
1	Kế hoạch đầu tư công	12.990	7.180	5.810	1.227	1.364	3.219	Các chủ đầu tư; Sở Tài chính	Kịch bản tại Phụ lục này chỉ tính giải ngân đến hết 31/12/2026; Kịch bản chi tiết theo từng chủ đầu tư được giao số vốn lớn và các dự án đầu tư công trọng điểm chi tiết tại Phụ lục III kèm theo Kế hoạch
1.1	Kế hoạch đầu tư công năm 2026	7.889	4.728	3.161	476	787	1.898	Các chủ đầu tư; Sở Tài chính	
1.2	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 dự kiến kéo dài thực hiện sang năm 2026	5.101	2.452	2.649	751	577	1.321	Các chủ đầu tư; Sở Tài chính	
2	<i>Nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại ngân sách cấp tỉnh năm 2025</i>	4.201	60	3.300	1.200	630	1.470	Các chủ đầu tư; Sở Tài chính	Dự kiến nguồn này đến hết năm 2026 giải ngân đạt khoảng 80%
3	Đầu tư các công trình hỗ trợ khắc phục bão lũ	2.939	1.114	1.826	365	548	913	Sở Tài chính; các chủ đầu tư; đơn vị liên quan	
4	Công trình do Trung ương đầu tư trên địa bàn	1.415	209	1.206	182	247	776	Sở quản lý ngành; chủ đầu tư; Thống kê tỉnh	
-	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 (DATP 2)	1.030	209	821	182	197	441	Sở Xây dựng	
-	Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam thuộc địa phận tỉnh Đắk Lắk	385		385		50	335	Sở Xây dựng	
II	KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC	54.131	29.901	24.230				Các sở, ngành, địa phương; Thống kê tỉnh	
1	Vốn doanh nghiệp	27.033	10.294	16.739	-	-	-	Thống kê tỉnh; sở quản lý ngành; địa phương	
1.1	Nguồn vốn huy động từ các dự án đầu tư ngoài ngân sách	18.807	4.288	14.519	2.227	2.462	9.829		Danh mục dự án, khả năng huy động vốn, tiến độ thực hiện đối với các dự án đầu tư ngoài ngân sách (bao gồm nguồn lực dự phòng) chi tiết tại Phụ
-	Dự án đầu tư ngoài ngân sách trọng điểm	14.747	3.222	11.525	1.649	1.794	8.083	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Ban quản lý các khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh	
	<i>Trong đó: nhóm dự án có khả năng triển khai vốn ngay</i>	<i>6.592</i>	<i>2.684</i>	<i>3.908</i>	<i>1.148</i>	<i>1.173</i>	<i>1.587</i>		

STT	Khu vực/nguồn lực	Mục tiêu năm 2026	Thực hiện 9 tháng 2026	Mục tiêu quý IV 2026	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cơ quan/đơn vị theo dõi	Ghi chú
-	Nguồn lực từ các dự án tồn đọng, kéo dài sau khi được tháo gỡ	4.059	1.066	2.993	579	668	1.746	Sở Tài chính; các sở, ngành	dự phòng) chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo Kế hoạch.
1.2	<i>Phần còn lại từ đầu tư sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh</i>	8.226	6.006	2.220				<i>Điều tra thống kê</i>	
2	Vốn dân cư	27.098	19.607	7.491	-	-	-	Điều tra thống kê	
III	KHU VỰC FDI	852	448	404	-	-	-	Điều tra thống kê	
*	NGUỒN LỰC DỰ PHÒNG	1.508	0	1.508	0	0	1.508	Sở Tài chính; các sở, ngành	